

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2019/HNGĐ-PT

Ngày 22-3-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức.
Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2018/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1662/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 839/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 18/4D đường V, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hoàng L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 1/50/5/9A đường Đ, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Do có kháng cáo của:* Ông Phạm Hoàng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo Đơn khởi kiện ngày 03/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Võ Ngọc H trình bày:

Bà và ông Phạm Hoàng L tự nguyện chung sống, kết hôn vào năm 2015, Giấy chứng nhận kết hôn số 130/2015, quyền 01/2015, ngày 11/11/2015 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, theo bà nguyên nhân là do ông L không chia sẻ về tinh thần cũng như không có trách nhiệm với gia đình, không cùng san sẻ về kinh tế với bà. Bà và ông L không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống hôn nhân, nên từ đó hạnh phúc không còn, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông Phạm Hoàng L có một người con chung tên Phạm Ngọc K, sinh ngày 02/8/2015. Bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Phạm Hoàng L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Phạm Hoàng L không có nợ chung.

Bị đơn là ông Phạm Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L không đến Tòa án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến cũng như các tài liệu, chứng cứ.

Tại bản án sơ thẩm số 1662/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 48, Khoản 2 Điều 227, các Điều 227, 235, 266, 267, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Ngọc H và ông Phạm Hoàng L.

2. Về việc nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Ngọc K, sinh ngày 02/8/2015 cho bà Võ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên. Vì quyền lợi của con khi cần thiết bà H, ông L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà H phải đóng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003614 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 15/11/2018, bị đơn là ông Phạm Hoàng L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Võ Ngọc H trình bày:

Bà và ông Phạm Hoàng L đã quen biết nhau được nhiều năm (khoảng 7-8 năm), sau đó khi bà mang thai được 04 tháng thì hai bên quyết định tiến đến hôn nhân, cả hai đều là trí thức nên việc kết hôn và chung sống đều đã có sự suy nghĩ kỹ trước khi quyết định. Sau khi kết hôn thì hai bên vẫn tiếp tục cuộc sống như trước hôn nhân, nghĩa là bà và ông L sống ở hai nhà khác nhau, ông L sống cùng mẹ ruột khoảng gần 80 tuổi, bà sống cùng cha mẹ bà, mỗi tuần bà sang nhà ông L ở hai ngày, những lần đi khám thai thì bà sang nhà ông L và ông L chở bà đi. Cuộc sống hôn nhân của bà và ông L cứ tiếp diễn như trên, cho đến khi bà sinh em bé và thời gian này mẹ bà bệnh nặng, chi phí chữa trị mỗi tháng khoảng 70.000.000 đồng. Bà sống cùng cha mẹ già, chi phí trong gia đình bà chịu trách nhiệm, một mình bà trang trải cho gia đình, bà rất khó khăn để nhờ ông L giúp, ông L không những không giúp đỡ mà còn rút lại chi phí nuôi con từ 10.000.000 đồng/tháng xuống còn 5.000.000 đồng/tháng mà không nói cho bà biết lý do. Sau khi kết hôn, ông L không chia sẻ với bà về mọi việc cá nhân, vợ chồng không cùng san sẻ, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hai năm nay bà đã ly thân với ông L, bà và gia đình đã ổn định cuộc sống, tình cảm đã không còn, bà mong muốn có sự ổn định trong cuộc sống riêng của bà và con, nên việc ông L yêu cầu hòa giải đoàn tụ là không có kết quả.

Bị đơn ông Phạm Hoàng L trình bày:

Ông vẫn còn thương vợ con, nên ông yêu cầu được đoàn tụ gia đình. Việc bà Võ Ngọc H yêu cầu ly hôn tại tòa án cấp sơ thẩm ông có biết nhưng do ông bận công việc nên không thể tham gia phiên tòa. Ông cho rằng giữa hai vợ chồng ông thật sự không có mâu thuẫn trầm trọng, ông chủ quan nghĩ bà H nộp đơn ly hôn nhưng thật sự bà H không mong muốn ly hôn, vì vậy trước đây ông không có hành vi nào xem là an ủi, vận động và hòa giải để hai vợ chồng cùng nhau thông cảm và chia sẻ. Nay ông không thể đưa ra phương án nào để cho Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho ông được đoàn tụ nhưng thật sự ông mong muốn đoàn tụ vì ông còn thương vợ con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng:

Tòa án nhân dân quận T đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm ngày 31/8/2018, đến ngày 13/11/2018 ông Phạm Hoàng L nhận được bản án sơ thẩm, ngày 15/11/2018 ông L kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân của bà Võ Ngọc H và ông Phạm Hoàng L đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên đã ly thân hai năm nay, ông L tuy yêu cầu hòa giải đoàn tụ nhưng ông L không cho thấy nếu đoàn tụ thì ông L cải thiện được mối quan hệ vợ chồng hiện nay của bà H và ông L. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Ngày 31/8/2018, Tòa án nhân dân quận T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Phạm Hoàng L vắng mặt. Ngày 13/11/2018, ông L nhận được bản án sơ thẩm số 1662/2018/HNGĐ-ST ngày 31/8/2018. Ngày 15/11/2018, ông L kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên. Căn cứ Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn kháng cáo của ông L hợp lệ và làm trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Ông Phạm Hoàng L yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 130/2015, quyển số 01/2015, ngày 11/11/2015 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Hoàng L và bà Võ Ngọc H là hôn nhân hợp pháp thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Hoàng L yêu cầu hòa giải đoàn tụ vì ông còn thương vợ con, nhưng ông không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện trình trạng hiện nay giữa ông và bà Võ Ngọc H.

Bà H cho rằng từ khi bắt đầu cuộc sống hôn nhân giữa hai bên đã không có sự chia sẻ với nhau, mặc dù đã có thời gian quen nhau và tìm hiểu bảy, tám năm. Hiện tại bà không còn yêu thương ông L và trong hai năm ly thân bà đã ổn định cuộc sống riêng của bà và con, bà không còn mong muốn ông L chen vào giữa cuộc sống của bà và con nữa.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải bắt đầu từ tình cảm của cả hai phía. Tại phiên tòa và các chứng cứ cho thấy bà H đã không còn tình cảm với ông L, và cương quyết được ly hôn mặc dù ông L tha thiết yêu cầu được hòa giải đoàn tụ, hai bên đương sự đã ly thân hơn hai năm nay. Vì vậy, nếu bác đơn khởi kiện ly hôn của bà H để hai bên có thời gian hòa giải đoàn tụ thì vẫn không mang lại kết quả mà còn có thể làm cho quan hệ vợ chồng giữa hai bên càng trầm trọng hơn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông L về việc yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Võ Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Hoàng L nên ông L phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Với những chứng cứ kể trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478, Điều 479 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 1662/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Võ Ngọc H.

1.1/ Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Ngọc H được ly hôn với ông Phạm Hoàng L. Giấy chứng nhận kết hôn số 130/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2015 không còn giá trị pháp lý. Quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Ngọc H và ông Phạm Hoàng L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2/ Về con chung:

Giao con chung tên Phạm Ngọc K, giới tính: Nữ, sinh ngày 02/8/2015 cho bà Võ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Ngọc H về việc tạm thời không yêu cầu ông Phạm Hoàng L phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Ngọc H và ông Phạm Hoàng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí dân sự:

2.1/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Võ Ngọc H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003614 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Ngọc H đã nộp đủ án phí.

2.2/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Hoàng L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Hoàng L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005777 ngày 22/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Hoàng L đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh